

Bản án số: 109/2022/HS-ST

Ngày 25 - 11 -2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PL, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Hồng Nam;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Nguyễn Ngọc Ngư;
2. Ông: Nguyễn Văn Thuyết.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện PL, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PL, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Lê Phương Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2022, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện PL, tỉnh Thái Nguyên xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 114/2022/TLST-HS ngày 31 tháng 10 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 113/2022/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 11 năm 2022, đối với bị cáo:

- Họ và tên: **Phạm Văn D**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 10/10/1990.

- HK thường trú và chỗ ở: xóm B 1, xã M, huyện PL, tỉnh Thái Nguyên.

- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 11/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Họ và tên cha: Phạm Văn H (đã chết); Họ và tên mẹ: Nguyễn Thị G (SN 1968). Bị cáo là con duy nhất trong gia đình. Vợ con: chưa có

- Tiền án, tiền sự: Không.

- Nhân thân:

+ Tại Bản án số 14 ngày 25/3/2011 của Tòa án nhân dân huyện PL xử phạt Phạm Văn D 36 tháng tù về tội “Tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả”. Chấp hành xong ngày 28/12/2012.

+ Tại Bản án số 160 ngày 09/5/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên xử phạt Phạm Văn D 30 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Chấp hành xong ngày 27/4/2019.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/5/2022 đến nay, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện PL. (Có mặt tại phiên tòa)

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Anh Trương Văn Đ, sinh năm 1986; Nơi ĐKKHKT: xóm 1/5, xã V, huyện PL, tỉnh Thái Nguyên. (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- *Người chứng kiến:* Chị Trần Thị Tuyết Mai, sinh năm 1970;

Nơi ĐKKHKT: xóm B 2, xã M, huyện PL, tỉnh Thái Nguyên. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 17 giờ 10 phút ngày 18/5/2022 tại xóm B 2, xã M, huyện PL, tỉnh Thái Nguyên, tổ công tác Công an xã M phát hiện Phạm Văn D có biểu hiện nghi liên quan đến ma túy. Tiến hành kiểm tra, thu giữ: trong lòng bàn tay phải của D 01 gói chất bột màu trắng được gói bên ngoài bằng giấy lịch màu trắng có chữ màu xanh và màu đen, bên trong được gói bằng lớp giấy bạc màu vàng, niêm phong vào bì ký hiệu A (D khai là ma túy loại Heroine, mua của Chu Văn Tr, trú tại xóm 1/5, xã V, huyện PL, mục đích sử dụng cho bản thân); 01 điện thoại di động bàn phím màu đen, viên đũa đã qua sử dụng nhãn hiệu Masstel có gắn số sim 0963358713, niêm phong vào bì ký hiệu B. Tổ công tác tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Phạm Văn D và chuyển toàn bộ hồ sơ, vật chứng cùng đối tượng đến Cơ quan CSĐT Công an huyện PL điều tra theo thẩm quyền. Tiến hành khám xét khẩn cấp nhà ở của D, không phát hiện, thu giữ gì thêm.

Cùng ngày, tại Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Nguyên tiến hành mở niêm phong, cân xác định khối lượng 01 gói chất bột màu trắng trong phong bì ký hiệu A được **0,217** gam, lấy toàn bộ đưa vào bì niêm phong kí hiệu là A1 gửi giám định chất ma túy.

Tại bản Kết luận giám định số 727/KL-KTHS ngày 27/5/2022 kết luận: Chất bột màu trắng trong phong bì ký hiệu A1 gửi giám định là chất ma túy, loại Heroine, có khối lượng gửi giám định là: **0,217** gam.

Quá trình điều tra, D khai nhận: Khoảng 16 giờ ngày 18/5/2022, Phạm Văn D sử dụng điện thoại di động có số thuê bao 0963358713 liên hệ với số thuê bao 0398721070 lưu tên “Trog trinh” (D khai của Chu Văn Trọng, trú tại xóm 1/5, xã V) hỏi mua ma túy loại Heroine thì được người đàn ông này đồng ý. D từ nhà đi nhờ xe mô tô của người đi đường không quen biết đến khu vực ngã ba đường rẽ vào xã V thì xuống xe đi bộ khoảng 100 mét. Tại đây, D gặp một người đàn ông khoảng 50 tuổi và mua 01 gói chất bột màu trắng là ma túy loại Heroine với giá 200.000 đồng, được gói bên ngoài là lớp giấy lịch màu trắng có chữ màu xanh và

màu đen, bên trong được gói bằng lớp giấy bạc màu vàng. D cầm gói ma túy trong lòng bàn tay phải và đi bộ về nhà. Khi đến khu vực gần nhà văn hoá xóm B 2, xã M thì bị tổ công tác Công an xã M phát hiện, bắt quả tang và thu giữ toàn bộ vật chứng nêu trên.

Khám xét khẩn cấp nhà ở của Chu Văn Trọng không phát hiện, thu giữ gì liên quan đến ma túy. Cơ quan CSĐT Công an huyện PL đã tiến hành đối chất, ghi lời khai và thu giữ điện tín, thư tín đối với số điện thoại Phạm Văn D khai đã liên hệ mua ma túy. Tuy nhiên, không có đủ căn cứ để xử lý đối với Trọng.

Lời khai nhận của bị can là phù hợp với: Biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản thu giữ vật chứng, kết luận giám định chất ma túy, lời khai của người chứng kiến và các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Vật chứng vụ án gồm: 01 bì niêm phong ký hiệu A1, bên trong có 0,206 gam mẫu A1 và vỏ bao gói hoàn trả sau giám định; 01 bì niêm phong ký hiệu A2, bên trong có 01 vỏ bì niêm phong ký hiệu A và các vỏ giấy gói; 01 bì niêm phong ký hiệu A3, bên trong có 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel, vỏ màu đen viền màu đỏ, có số IMEI: 355636046793834; 355636047293834, điện thoại đã cũ. Hiện đang được bảo quản tại kho vật chứng theo quy định.

Tại bản cáo trạng số 114/CT-VKSPL ngày 30/10/2022, Viện Kiểm sát nhân dân huyện PL, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố Phạm Văn D về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PL, tỉnh Thái Nguyên trình bày lời luận tội, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phạm Văn D phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt Phạm Văn D, từ 36 đến 42 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự để xử lý vật chứng.

Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Tại phần tranh tụng: Bị cáo không tranh tụng.

Nói lời sau cùng: Bị cáo biết hành vi của mình là sai trái bị cáo xin Hội đồng xét xử cho bị cáo hưởng mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện PL, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện PL, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét về hành vi của bị cáo: Tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người chứng kiến, biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng đã thu giữ, kết luận giám định, cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, như vậy có đủ căn cứ để xác định: Hồi 17 giờ 10 ngày 18/5/2022, tại xóm B 2, xã M, huyện PL, Phạm Văn D có hành vi tàng trữ trái phép **0,217** gam ma túy loại Heroine, mục đích để sử dụng cho bản thân, bị tổ công tác Công an xã M, huyện PL phát hiện, bắt quả tang và thu giữ vật chứng. Bị cáo xác định số ma túy trên mua của 01 người đàn ông khoảng 50 tuổi có tên là Chu Văn Trọng tại khu vực xã V, huyện PL, với số tiền 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).

Bản Cáo trạng số 114/CT-VKSPL ngày 30/10/2022, Viện Kiểm sát nhân dân huyện PL, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố Phạm Văn D về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Điều 249 Bộ luật hình sự quy định như sau:

“1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm”.

c) Heroine,...có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam”.

[3] Xét tính chất của vụ án thuộc trường hợp nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý về ma túy của Nhà nước, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Việc truy tố và xét xử bị cáo là cần thiết để giáo dục riêng và phòng ngừa tội phạm chung cho xã hội.

[4] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo thấy: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; Nhưng có nhân thân xấu: + Tại Bản án số 14 ngày 25/3/2011 của Tòa án nhân dân huyện PL xử phạt Phạm Văn D 36 tháng tù về tội “Tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả”. Chấp hành xong ngày 28/12/2012.

+ Tại Bản án số 160 ngày 09/5/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Thái

Nguyên xử phạt Phạm Văn D 30 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.
Chấp hành xong ngày 27/4/2019.

Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, nên bị cáo được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là “*Người phạm tội thành khẩn khai báo*” quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt: Xét các yếu tố về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy bị cáo là người nghiện ma túy, có nhân thân xấu, phạm tội với lỗi cố ý, không có ý thức chấp hành pháp luật nên cần có mức hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, buộc cách ly xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo thành người có ích cho xã hội.

Về hình phạt bổ sung, xét thấy bị cáo là người nghiện chất ma túy hiện đang bị tạm giam, không có tài sản thu nhập riêng nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

[6] Về vật chứng vụ án: Cần tịch thu tiêu hủy toàn bộ số vật chứng là ma túy và vỏ bao giấy gói. Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel của anh Trương Văn Đồng, anh Đồng xác định mua và đã cho bị cáo D sử dụng để tiện liên lạc công việc, nên xác định đây là điện thoại của bị cáo và bị cáo đã dùng làm phương tiện để giao dịch mua ma túy do đó Cần tịch thu phát mại sung quỹ nhà nước.

[7] Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[8] Trong vụ án, Bị cáo khai mua ma túy của Chu Văn Tr (SN 1971; trú tại xóm 1/5, xã V, huyện PL). Tuy nhiên qua đấu tranh, không đủ căn cứ để điều tra, xử lý theo quy định.

[9] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về mức hình phạt đối với bị cáo và các vấn đề khác là phù hợp, cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 326 Bộ luật tố tụng hình sự;

1. Tuyên bố: Bị cáo **Phạm Văn D** - phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự; Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Văn D 36 (ba mươi sáu) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 18/5/2022.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Quyết định tạm giam bị cáo 45 (bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

2. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy 01 bì niêm phong ký hiệu A1, bên ngoài ghi: Hoàn lại 0,206 gam mẫu A1 còn lại sau giám định và vỏ bao gói mẫu A1; 01 bì niêm phong ký hiệu A2, bên ngoài ghi: Bên trong có 01 vỏ bì niêm phong ký hiệu A và vỏ giấy gói.

- Tịch thu phát mại sung quỹ nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel vỏ màu đen viền đỏ đã cũ trong bì niêm phong ký hiệu A3.

(Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận số 17/2023 ngày 01/11/2022 giữa Công an huyện PL và Chi cục thi hành án dân sự huyện PL).

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm vào ngân sách nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện PL;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Sở tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- Chi cục THADS huyện PL;
- Công an huyện PL;
- Bị cáo;
- Hồ sơ THAHS;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Hồng Nam